

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

VÀI ĐẶC ĐIỂM NGỮ ÂM THỔ NGỮ LÝ SƠN, QUẢNG NGÃI

SOME PHONETIC FEATURES IN DIALECT OF
LY SON DISTRICT, QUANG NGAI PROVINCE

TRẦN THỊ THÚY AN
(ThS-NCS; ĐH KHXH & NV, ĐHQG TP HCM)

Abstract: In the paper, the author bases on the evidences collected through the fieldwork to describe the phonetic system of Ly Son, to compare with Vietnamese national language. Since Ly Son is an island district of Quang Ngai province in Central Vietnam where people spare many phonetic significant differences compared to overall Vietnamese language, Ly Son regional accent is selected to be the researching object of this paper.

Key words: dialect; phonetic feature.

1. Mở đầu

Lý Sơn là huyện đảo duy nhất của tỉnh Quảng Ngãi, nằm chệch về hướng Đông Bắc tỉnh, cách đất liền 15 hải lí và là nơi có vị trí quan trọng về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng. Thổ ngữ Lý Sơn nằm trong dãy thổ ngữ Nam - Ngãi và thuộc phương ngữ Nam (Hoàng Thị Châu, 1989) nên mang nhiều đặc điểm của phương ngữ này. Đó trước tiên là sự vắng mặt của âm đệm ở đa số các vần; những biến đổi sâu sắc của hệ thống âm chính, đặc biệt là các trường hợp âm chính /a/ và /ã/; cặp âm cuối [-n; -t], [-ŋ; -c] của tiếng Việt toàn dân đã bị lược bỏ trong thổ ngữ này và chuyển thành [-ŋ; -k] tương ứng; hệ thống thanh điệu chỉ còn lại năm thanh (thanh hỏi và ngã đã nhập làm một)... Bằng những chứng cứ thu thập được qua những lần điền dã, tiếp xúc trực tiếp với người địa phương tại đảo Lý Sơn, phân tích ngữ liệu thu âm (ở 32 cộng tác viên cả nam và nữ, độ tuổi từ 18 đến 55) thông qua phần mềm phân tích ngữ âm Praat, chúng tôi đi đến những kết luận bước đầu về đặc điểm ngữ âm thổ ngữ Lý Sơn thể hiện ở các đơn vị là âm đầu, phân vần (nguyên âm và âm cuối) và thanh điệu.

2. Vài đặc điểm hệ thống ngữ âm thổ ngữ Lý Sơn

2.1. Âm đầu

So với hệ thống âm đầu của tiếng Việt toàn dân, âm đầu trong thổ ngữ Lý Sơn có sự biến đổi cả về số lượng lẫn chất lượng. Trong thổ ngữ này, số âm vị làm âm đầu chỉ còn 20 âm vị, ít hơn hai đơn vị so với hệ thống âm đầu được phản ánh đầy đủ trên chữ quốc ngữ. Điều này làm tăng số từ đồng âm trong thổ ngữ Lý Sơn.

Tuy nhiên, hệ thống âm đầu thổ ngữ Lý Sơn lại được bù đắp bởi các bán nguyên âm mở đầu âm tiết. Cùng với thanh điệu, đây là dấu hiệu dễ nhận biết không chỉ của thổ ngữ này mà còn của một số thổ ngữ có đặc điểm tương tự khác (phần lớn là các thổ ngữ thuộc phương ngữ Nam).

Hệ thống phụ âm đầu trong thổ ngữ Lý Sơn còn lại 20 âm vị, gồm: /b, m, p^h, w, t^h, t, d, n, s, l, j, t̚, ʒ, c, ɲ, k, ɳ, x, ɣ, h/. Có thể trình bày hệ thống này bằng bảng sau:

Bảng 1: Hệ thống âm đầu trong thổ ngữ Lý Sơn

Định vị				Môi	Đầu lưỡi		Mặt lưỡi	Gốc lưỡi	Thanh hầu
Phương thức					Bẹt	Quặt			
Tắc	Ồn	Bật hơi		p ^h	t ^h				
		Không bật hơi	Vô thanh		T	t	C	K	
			Hữu thanh	b	D				
	Vang (mũi)			m	N		ɲ	ŋ	
Xát	Ồn	Vô thanh			S			X	H
		Hữu thanh			L	ʐ		ɣ	
	Vang			w	J			(w)	

Trong hệ thống này, đáng chú ý là sự thể hiện khác biệt so với âm đầu trong tiếng Việt toàn dân của các đơn vị âm đầu /f/, /ɣ/ và sự xuất hiện của âm mặt lưỡi, ngạc /j/. Âm đầu /f/ trong tiếng Việt toàn dân được miêu tả là một âm xát môi răng. Tuy nhiên, trong thổ ngữ Lý Sơn, âm /f/ được phát âm có chút khác biệt, nghe như một âm "tắc bật hơi"(p^h) (Nguyễn Tài Cẩn). Kiểu phát âm này cũng tồn tại ở một số thổ ngữ Huế và Quảng Nam. Ví dụ: [p^hai⁴⁻³](phải), [p^həɲ⁵] (phước), [p^həɲ⁶] (phận) [p^həiɲ⁶] (phơi phơi).

Phụ âm /ɣ/ trong thổ ngữ Lý Sơn không được phát âm với tư cách là một âm quặt lưỡi như trong tiếng Việt toàn dân nữa mà đã bị biến đổi thành âm xát vô thanh, bẹt đầu lưỡi là /s/. Ví dụ: [sɯŋ¹ sɿəŋ⁵] (*sung sướng*), [sɛŋ⁴⁻³ sɿəŋ²] (*sẵn sàng*), [sien¹] (*siêng*)... Nếu như trong tiếng Hà Nội cũng như một số thổ ngữ thuộc phương ngữ Bắc, ba âm vị có tiêu chí định vị quặt lưỡi /tɕ, ʃ, ʒ/ biến đổi đồng loạt với nhau, tức là bộ ba này trong phát âm của các địa phương kể trên không được thực hiện động tác cong lưỡi nên dần chuyển thành các âm vị phụ âm không quặt lưỡi tương ứng là /c, s, z/. Ví dụ: [kɔŋ¹ ɕɯ¹] (*con trâu*) → [kɔŋ¹ cɯ¹]; [sǎn¹ ʃɔk⁵] (*sẵn sóc*) → [sǎn¹ sɔk⁵]; [zom¹ zɔ⁴] (*rôm rả*) → [zom¹ za⁴]... thì trong thổ ngữ Lý Sơn, chỉ có /ɣ/ là phụ âm ít bền vững nhất, nó biến đổi thành /s/ trong

khi các phụ âm /t/ và /ʒ/ vẫn còn giữ được động tác cong lưỡi và đối lập với /c/ và /j/.

Sự xuất hiện của /j/ là kết quả của biến đổi lâu đời trong lòng tiếng Việt, từ thời Alexandre de Rhodes đến khi tiếng Việt thống nhất trên chính tả như hiện nay. Từ thế kỉ XVII, những phụ âm xát - hữu thanh ngạc hóa mạnh Bj, Dj, Zj (Alexandre de Rhodes) dần có sự biến đổi. Trong phương ngữ Bắc, các yếu tố ngạc hóa dần mất đi và hình thành các phụ âm xát tương ứng là v, z, Z. Sau đó, Z cũng biến đổi thành z (Hoàng Thị Châu, 1989). Còn trong phương ngữ Nam, tình hình có thay đổi. Các yếu tố ngạc hóa không những không bị mất đi mà còn lấn át cả những yếu tố đứng trước nó. Kết quả của quá trình biến đổi lâu dài này là sự xuất hiện phụ âm /j/ ở cả ba trường hợp kể trên. Hiện tượng này chỉ có thể giải thích bởi sự tiếp xúc của tiếng Việt với các ngôn ngữ khác ở những vùng địa lí khác nhau dẫn đến những biến đổi không cùng hướng như vậy. Trong thổ ngữ Lý Sơn, /j/ không chỉ thay thế cho /v/ mà còn đảm đương cả vai trò của phụ âm đầu lưỡi - xát, hữu thanh /z/. Trong phát âm tự nhiên, những người nói thổ ngữ Lý Sơn đều thay thế /z/ mà chữ Quốc ngữ thể hiện là *d* và *gi* bởi phụ âm /j/ ở tất cả các âm tiết do *d* và *gi* mờ đầu. Hệ quả là một loạt các từ đồng âm khác nghĩa ra đời mà việc khu biệt chúng phải phụ thuộc vào ngữ huống nói năng cụ thể. Ví dụ: [ja¹ti¹k⁶] (da thịt) ↔ [ja¹din²] (gia đình); [ji²jiəŋ⁶] (dì dượng) ↔ [kai⁵ji²] (cái gi).

Hiện nay, trong nhà trường cũng như các phương tiện thông tin đại chúng, d và gi cũng được cố gắng phát âm phân biệt nhưng đó được cho là cách nói không tự nhiên và phần nào thể hiện tính "điệu" (chữ dùng của Trần Trí Dõi) của người sử dụng thổ ngữ đang xét.

Cần phải lưu ý rằng, nếu đa số các thổ ngữ trong phương ngữ Nam có /v/ và /z/ được thay thế điều đặn bởi /j/ ở tất cả các trường hợp thì trong thổ ngữ Lý Sơn, tình hình có sự khác biệt. Trong khi phụ âm /z/ được phát âm thành /j/ ở hầu hết các âm tiết thì /v/ chỉ được thay thế bởi /j/ ở một số trường hợp cụ thể chưa khái quát thành quy luật. Chẳng hạn: [vùng về] ----> [jùng jề]; [vũng (nước)] ----> [jũng (nước)]; [viên] ----> [jiên]; [vấp] ----> [jấp]...

Quan sát biểu hiện của hệ thống âm đầu trong thổ ngữ Lý Sơn, chúng tôi còn nhận thấy một hiện tượng khá thú vị khác. Đó là sự xuất hiện của âm vị /w-/ giữ vị trí mở đầu âm tiết (có thể gọi là phụ âm tiếp cận (approximant consonant)). Âm vị này có đầy đủ tính chất của một phụ âm sát, môi môi tương ứng với các phụ âm tắc, lưỡi sau và thanh hầu trong phương ngữ Bắc khi kết hợp với âm đệm /-u-/. Trong thổ ngữ đang xét, /w-/ xuất hiện ở vị trí âm đầu khi các phụ âm mạc và hầu bị tác động bởi âm đệm đi sau nó. Đó là trường hợp của phụ âm /k/ (trường hợp chữ quốc ngữ ghi là "q"), /ŋ/ và /h/. Ví dụ: [wǎi¹] (*quay*), [wak⁶] (*quat*), [wa⁶] (*qua*), [wien⁴⁻³] (*quyển*); [wai¹] (*ngoại*); [wa¹] (*hoa*), [we⁶] (*huệ*), [wan²] (*hoàng*),...

Điều này chỉ có thể giải thích bằng sự phát huy chức năng của âm đệm. Trong thổ ngữ Lý Sơn, âm đệm hoàn toàn vắng bóng (đặc điểm nổi bật của phương ngữ Nam). Tuy nhiên, riêng với trường hợp âm đệm /-u-/ đứng sau /k/, /ŋ/ và /h/ đã xảy ra hiện tượng "đồng hóa ngược" (Hoàng Thị Châu, 1989). Ở đây, âm đệm tác động trở lại những phụ âm mạc và

phụ âm hầu đứng trước nó, dẫn đến kết quả là làm xuất hiện một phụ âm mới là /w-/ duy chỉ có trong phương ngữ Nam. Dù trước âm đệm là những phụ âm có tính chất khác nhau như thể nào, dù là âm mạc hay hầu, tắc hay sát, hữu thanh hay vô thanh đều không để lại một dấu vết khu biệt nào, tất cả đều biến thành /w-/. Tuy nhiên, chính tả tiếng Việt không phản ánh sự tồn tại của phụ âm này, nó chỉ xuất hiện trong hoàn cảnh phát âm của người nói thổ ngữ Lý Sơn nói riêng và người sử dụng phương ngữ Nam nói chung.

Mặc dù vậy, trong thổ ngữ Lý Sơn, hiện tượng kể trên xảy ra không đồng bộ giữa ba phụ âm. Nếu như trong các thổ ngữ khác của phương ngữ Nam, đặc biệt là vùng Tây Nam bộ, sự tác động của âm đệm /-u-/ lên ba phụ âm /k/, /ŋ/ và /h/ là đều khắp và cũng là dấu hiệu đặc trưng để nhận biết giọng "miền Tây" thì trong thổ ngữ đang xét, tình hình có chút biến đổi khác đi. Theo quan sát của người nghiên cứu, âm đệm /-u-/ ở đây gây ảnh hưởng nhiều nhất đến phụ âm sát thanh hầu /h/ đứng trước nó. Tất cả các âm tiết dạng này đều mở đầu bằng /w-/. Các phụ âm còn lại (/k/ - với trường hợp ghi trong chính tả là "q" - và /ŋ/) không rõ rệt bằng.

Điều tra ngôn ngữ học điền dã với hơn 30 cộng tác viên cả bằng cách nói tự nhiên và đọc ngữ liệu được chuẩn bị sẵn thì hầu như tất cả phụ âm đầu /h/ đều chuyển thành /w/ khi đi sau nó là âm đệm. Ví dụ trong các âm tiết: [wa¹] (*hoa*), [wien²] (*huyền*), [wan²] (*hoàng*), [wa⁴⁻³ wan⁶] (*hỏa hoạn*), [wan¹ wai⁴⁻³] (*hoang hoải*)...

2.2. Nguyên âm

Thổ âm Lý Sơn có 13 nguyên âm đơn (nhiều hơn một âm so với tiếng Việt phổ thông) được sắp xếp theo trật tự nhất định dựa theo cách cấu âm và độ nâng của lưỡi (của nguyên âm làm âm chính). Cụ thể:

i	ĩ	u
ie	iə	uo
e	ə	o
ɛ	a	ɔ
		ɔɑ

13 nguyên âm này chia thành ba dòng: trước, giữa và sau (tròn môi), phân biệt với nhau về độ nâng của lưỡi, từ trên xuống độ nâng giảm dần. Cụ thể là các nguyên âm dòng trước và dòng sau có xu hướng nhích lại gần nguyên âm dòng giữa (trung hòa); độ căng của lưỡi và môi trong lúc câu âm cũng giảm hơn so với phát âm trong tiếng Việt toàn dân. Trong khi hầu hết các nguyên âm được phát âm gần như thống nhất với tiếng Việt toàn dân thì âm chính /-a-/ có cấu âm sâu hơn và độ mở rộng nhất so với các nguyên âm khác. Vần *ô* có hơi khác. Ngoài vần [o] được phát âm tự nhiên thì thổ ngữ Lý Sơn còn hình thành một vần [o] khác từ cách phát âm của những từ có vần *ao* trong chữ quốc ngữ mà ra. Đó là trường hợp khi người ở đây phát âm các từ “cào cào”, “ho lao”, “khuyên bảo”, “áo”... được nghe ra như “cồ cồ”, “ho lô”, “khuyên bô”, “ồ”...

Những âm thấp còn lại được chữ quốc ngữ ghi là *e*, *a*, *o*. Trong đó nguyên âm *o* phát âm bình thường, vần *e* lưỡi hơi thấp hơn, miệng mở rộng hơn. Riêng *a* có sự khác biệt. Âm *a* trong giọng Lý Sơn khi phát âm với cấu âm sâu, do đó âm trầm hơn bình thường, khác xa so với âm mở [a] của tiếng Việt toàn dân và khác cả so với [a] của tiếng Quảng Ngãi. Chính những điều này làm cho [a] khi được người Lý Sơn phát âm nghe như có cả yếu tố tròn môi. Vậy nên khi nghe người Lý Sơn nói *ba*, *đá*, *lá*... sẽ thành như *boa*, *đóa*, *lóa*...

Ngoài ra, ở đây còn thấy xuất hiện một vần đơn thấp, chuyển sắc [ɔɑ] là trường hợp đặc biệt trong thổ âm Lý Sơn. Vần này được hình thành từ cách phát âm địa phương của

vần nửa mở được chữ quốc ngữ ghi là *oi*, là một vần xuất phát hơi nâng ở lưỡi và trầm hẳn ở kết vần. Đó là âm ta nghe được khi người Lý Sơn phát âm các từ như *tôi*, *coi*, *ngói*... Trường hợp này còn xuất hiện trong hệ thống vần cái giọng nói vùng Trà Kiệu (xin xem thêm Nguyễn Quang Hồng, “Hệ thống vần cái trong giọng nói vùng Trà Kiệu”, Tạp chí Ngôn ngữ số 5, 2004). Điều này góp phần chứng tỏ sự thống nhất giữa các thổ ngữ nhỏ thuộc nhóm thổ ngữ Nam - Ngãi đã đề cập ở trên.

2.3. Âm cuối

Các âm vị âm cuối trong thổ ngữ Lý Sơn thể hiện những đặc điểm đáng chú ý sau:

Trường hợp bán nguyên âm cuối: hai bán nguyên âm cuối /-u/ và /-i/ vẫn đảm bảo chức năng kết thúc âm tiết trong thổ ngữ Lý Sơn. Tuy nhiên ở một số trường hợp phát âm cụ thể, các âm cuối không còn được nghe thấy nữa. Chẳng hạn như /-u/ khi kết hợp với “a”, tổ hợp “ao” sẽ biến thành “ô” trong khi nói; vần /-iəi-/ sẽ thành /-i/ trong tất cả các bối cảnh mà nó xuất hiện.

Trường hợp phụ âm cuối: hai phụ âm cuối /-p/ và /-m/ tác động tới nguyên âm đứng trước nó, làm cho nguyên âm đôi bị đơn hóa (tức là chuyển thành một nguyên âm đơn cùng dòng, cùng tính chất ngữ âm với nó) như trường hợp của các vần [iep], [iəp] biến dạng thành [ip] và [iɸ] tương ứng; các vần [iem], [uom], [iɛm] bị giản lược thành các vần tương ứng là [im] và [iɸm]; hoặc làm nguyên âm bớt đi tính tròn môi vốn có như trường hợp của các vần [up], [ôp] hay [op]. Phụ âm cuối /-n/ và /-t/ nhất loạt thành /-ŋ/ và /-k/ tương ứng (trừ trường hợp khi chúng xuất hiện trong bối cảnh đứng trước hai nguyên âm dòng trước có độ mở hẹp và trung bình là /i/ và /e/).

Đối với trường hợp âm cuối, so với tiếng Việt toàn dân và một số phương ngữ Bắc và phương ngữ Trung, sự khác biệt không chỉ

được nhìn nhận ở bình diện ngữ âm mà còn liên quan đến các giải pháp âm vị học về nó. Tiếng Việt toàn dân cùng một số phương ngữ, thổ ngữ khác thường đủ số lượng âm cuối như giải pháp mà chính tả tiếng Việt hiện nay đã ghi nhận. Còn thổ ngữ Lý Sơn nói riêng cũng như phương ngữ Nam nói chung phải nhìn nhận sự vắng mặt cùng việc biến đổi của một số âm vị âm cuối trong hệ thống như trên chúng tôi đã dẫn.

2.4. Thanh điệu

Thổ ngữ Lý Sơn có hệ thống 5 thanh (thanh hỏi và thanh ngã đã nhập làm một và tạm gọi là thanh hỏi - ngã). Hệ thống thanh điệu này tương tự hệ thống năm 5 của phương ngữ Nam. Trong đó, sự đối lập về âm vực là đáng kể. Độ cao của giọng nam và nữ đo ở người trưởng thành nói thổ ngữ Lý Sơn cụ thể là:

Thanh ngang: Đối với giọng nam, bắt đầu khoảng từ 142 Hz và kết thúc khoảng 121 Hz; đối với giọng nữ, bắt đầu khoảng từ 218 Hz và kết thúc khoảng 191 Hz.

Thanh huyền: Đối với giọng nam, bắt đầu khoảng từ 134 Hz và kết thúc khoảng 103 Hz; đối với giọng nữ, xuất phát ở khoảng 210 Hz và kết thúc khoảng 158 Hz.

Thanh hỏi - ngã: Ở giọng nam, bắt đầu khoảng 132 Hz và kết thúc vào khoảng 150 Hz; đối với giọng nữ, bắt đầu ở khoảng 200 Hz và kết thúc ở khoảng 238 Hz.

Thanh sắc: Ở giọng nam xuất phát ở độ cao vào khoảng 132 Hz và kết thúc ở độ cao khoảng 161 Hz; đối với giọng nữ, các thông số lần lượt là 207 Hz và 275 Hz.

Thanh nặng: Ở giọng nam, bắt đầu với độ cao khoảng 133 Hz và kết thúc ở độ cao khoảng 101 Hz; giọng nữ thường bắt đầu khoảng 204 Hz và kết thúc vào khoảng 132 Hz.

Các thanh ngang, hỏi - ngã và sắc thuộc âm vực cao. Hai thanh huyền và nặng thuộc

âm vực thấp. Trong đó thanh ngang và thanh huyền có đường nét di chuyển tương đối bằng phẳng, thanh hỏi - ngã di chuyển tạo nét gấp khúc phản ánh tính “gãy” của thanh điệu loại này, thanh sắc và thanh nặng có đường di chuyển thẳng, đi lên với thanh sắc và đi xuống với thanh nặng.

3. Kết luận

Tìm hiểu đặc điểm ngữ âm thổ ngữ Lý Sơn không ngoài mục đích xác định những điểm tương đồng và dị biệt, đặc trưng ngữ âm riêng và chung của đối tượng này so với tiếng Việt toàn dân. Từ đó giúp chúng ta có thể xác định các đồng ngữ tố, chùm đồng ngữ có lợi cho việc nghiên cứu lịch sử tiếng Việt, xây dựng bản đồ phương ngữ phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu phương ngữ về sau. Đồng thời, xác định đúng các vùng phương ngữ, nhóm thổ ngữ của tiếng Việt cũng góp phần giải quyết những nhiệm vụ xã hội đã đặt ra cho chuyên ngành hẹp này. Hơn nữa, vấn đề này cũng góp phần khơi gợi ra hướng nghiên cứu hữu ích cho những công trình sau phát triển hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tài Cẩn (1995), *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt* (sơ thảo), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Hoàng Thị Châu (1989), *Phương ngữ học tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Trần Trí Dõi (2011), *Giáo trình lịch sử tiếng Việt*, NXB Giáo dục Việt Nam.
4. Nguyễn Quang Hồng (2004), *Hệ thống vần cái trong giọng nói vùng Trà Kiệu*, Tạp chí Ngôn ngữ số 5.
5. Nguyễn Quang Hồng - Nguyễn Phương Trang (2003), *Tổng quan về hệ thống vần cái tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ số 2.
6. Đoàn Thiện Thuật (2007), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb ĐHQG Hà Nội.